

**ĐỀ ÁN
Xây dựng làng nông thôn mới – làng Pốt, xã Song An, thị xã An Khê**

PHẦN MỞ ĐẦU

I. KHÁI QUÁT VỀ ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI

1. Vị trí địa lý

Xã Song An, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai được điều chỉnh theo Nghị định số 02/NĐ-CP, ngày 19/01/2009 của Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới hành chính xã, thành lập xã, phường thị xã An Khê, huyện Chư păh, tỉnh Gia Lai.

Có vị trí địa lý nằm ở phía Đông thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai. Tờ cận:

- Phía Đông giáp: xã Tây Thuận, xã Tây Giang và xã Vĩnh An, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Phía Tây giáp: phường Ngô Mây thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai.

- Phía Nam giáp: xã Ya Hội, huyện Đăk Pơ, tỉnh Gia Lai.

- Phía Bắc giáp: phường An Phước và xã Cửu An, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai.

Tổng diện tích tự nhiên 4.417,07 ha.

Địa hình xã Song An đặc trưng là đồi núi lượn sóng, chia cắt bởi các suối nhỏ. Địa hình có xu hướng thoải dần từ Đông sang Tây, độ dốc từ $5^0 - 15^0$. Với đặc điểm bề mặt cao nguyên bằng phẳng, sườn bị chia cắt tạo thành các dãy đồi lượn sóng.

2. Đặc điểm tự nhiên và kinh tế - xã hội

- Xã Song An có 05 thôn và 01 làng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) làng Pốt là làng đặc biệt khó khăn. Dân số trung bình toàn xã là 4.890 khẩu, 1.219 hộ.

- Làng Pốt có diện tích tự nhiên là 765,7 ha. Trong đó diện tích sản xuất nông nghiệp hiện có của người đồng bào DTTS là 151,21ha.

- Làng Pốt có 69 hộ với 327 khẩu. Trong đó có 05 khẩu dân tộc Kinh, 01 khẩu dân tộc Chăm, 02 khẩu dân tộc Thái. Đến cuối năm 2018, làng Pốt có 05 hộ nghèo, 20 hộ cận nghèo.

- Nhân dân sống chủ yếu bằng nghề sản xuất nông nghiệp, làm nương rẫy, trồng trọt, trình độ văn hóa thấp nên việc áp dụng khoa học kỹ thuật còn hạn chế, năng suất lao động không cao. Do đặc thù điều kiện tự nhiên nên khu vực trồng mì, bắp và trồng lúa nước không chủ động được nguồn nước; đường giao thông nội đồng không thuận lợi để phục vụ sản xuất dẫn đến năng suất cây trồng đạt thấp. Về chăn nuôi thì nhân dân trong làng chủ yếu chăn nuôi gia súc với tổng đàn bò hiện có 171 con, trâu 7 con, dê 49 con; công tác phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm tốt nên không xảy ra dịch bệnh. Thu nhập bình quân đầu người năm 2018 là 20,018 triệu đồng.

- Tại khu vực làng Pốt chưa được quy hoạch chi tiết để mở rộng khu dân cư. Nhà ở của hộ dân được xây dựng tự phát từ nhiều năm trước.

- Làng Pốt có 1 điểm trường với 4 lớp học. Năm học 2018 - 2019 có 75 học sinh đang theo học các lớp.

- Sản xuất nông nghiệp còn gặp nhiều khó khăn, thời tiết luôn biến đổi thất thường, không thuận lợi, giá cả thị trường không ổn định, giá cả vật tư tăng cao, dịch bệnh gia súc, gia cầm có những tiềm ẩn; trình độ canh tác còn lạc hậu, hiệu quả sản xuất thấp, việc áp dụng khoa học kỹ thuật còn chậm nên năng suất không cao; trình độ nhận thức về pháp luật của người đồng bào DTTS còn hạn chế.

II. SỰ CẦN THIẾT PHẢI BAN HÀNH ĐỀ ÁN

Xuất phát từ thực trạng đời sống của đồng bào DTTS trên địa bàn xã còn gặp nhiều khó khăn về nhiều mặt, yêu cầu đặt ra cho chính quyền địa phương phải xem xét có chính sách đặc thù riêng nhằm tạo điều kiện cho bà con nhân dân phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, từng bước vươn lên thoát nghèo, ổn định cuộc sống, phát triển bền vững.

III. CĂN CỨ ĐỂ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc;

2. Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

3. Nghị quyết 80/NQ-CP ngày 19/05/2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020;

4. Nghị quyết 70/NQ-CP ngày 01/11/2012 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01/06/2012 về một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020;

5. Chỉ thị số 36/CT-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện hiệu quả, bền vững Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;

6. Nghị quyết 03-NQ/TU ngày 19/7/2011 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai (khóa XIV) về xây dựng nông thôn mới tỉnh Gia Lai đến năm 2020;

7. Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 03/5/2015 của UBND tỉnh Gia Lai phê duyệt đề án thực hiện chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo ở xã, thôn, làng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

8. Nghị quyết 05-NQ/TU ngày 12/4/2017 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai (khóa XV) về giảm nhanh và bền vững tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2017-2020 và định hướng đến năm 2025;

9. Chỉ thị số 12-CT/TU ngày 13/02/2018 của Ban thường vụ tỉnh ủy Gia Lai về tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy các cấp về xây dựng làng NTM trong đồng bào DTTS trong địa bàn tỉnh;

10. Kết luận của Ban Thường vụ Thị ủy tại phiên họp thường kỳ tháng 4/2018;

11. Quyết định số 1790/QĐ-UBND ngày 16/8/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã An Khê về ban hành Chương trình hành động thực hiện Chỉ thị số 12-CT/TU ngày 13/02/2018 của Ban thường vụ tỉnh ủy Gia Lai về tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy các cấp về xây dựng làng NTM trong đồng bào DTTS trên địa bàn thị xã An Khê;

12. Chương trình số 38-CTr/ĐU ngày 04/10/2018 của Đảng ủy xã Song An về việc thực hiện Chỉ thị số 12-CT/TU ngày 13/02/2018 của Ban thường vụ tỉnh ủy Gia Lai về tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy các cấp về xây dựng làng NTM trong đồng bào DTTS trong địa bàn tỉnh.

IV. NỘI DUNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU

1. Nội dung nghiên cứu

Đề án đề cập đến thực trạng về kinh tế - xã hội, phát triển sản xuất, đánh giá những ưu điểm, hạn chế tồn tại, nguyên nhân... Trên cơ sở đó đề ra quan điểm, định hướng, mục tiêu, nội dung; đề xuất các giải pháp đồng bộ nhằm huy động các nguồn lực giải quyết những khó khăn, ổn định đời sống của nhân dân làng Pốt.

2. Phạm vi nghiên cứu

Đề án này tập trung vào việc phân tích và đề xuất các định hướng, nội dung, giải pháp chính nhằm giúp đỡ đồng bào dân tộc tại làng Pốt xã Song An phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo và cải thiện đời sống, xây dựng làng NTM.

V. TÊN GỌI VÀ TỔ CHỨC QUẢN LÝ ĐỀ ÁN

1. Tên đề án: *Đề án xây dựng làng nông thôn mới – làng Pốt, xã Song An.*

2. Cơ quan phê duyệt đề án: Ủy ban nhân dân thị xã An Khê .

3. Cơ quan lập Đề án: Ủy ban nhân dân xã Song An.

PHẦN THỨ NHẤT THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TẠI LÀNG PỐT

I. VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ, CƠ SỞ HẠ TẦNG

1. Về giao thông

Đường trục xã vào làng Pốt (từ Quốc lộ 19 vào đến làng) là 3,5 km, đã được đầu tư bê tông xi măng với chiều rộng mặt đường là 3m.

Đường trong làng được bê tông hóa với chiều dài 480m, các tuyến đường còn lại là đường đất chưa được bê tông hóa.

Đường trục chính nội đồng của làng Pốt chiều dài khoảng 2km, chưa được đầu tư xây dựng để cứng hóa cho nên việc đi lại của nhân dân trong mùa mưa còn khó khăn.

2. Nước sinh hoạt

Nước phục vụ sinh hoạt cho người dân tại làng Pốt chủ yếu là hệ thống cấp nước tự chảy tập trung. Hệ thống này được đầu tư năm 1999 với bể lọc đầu nguồn dẫn nước đến 8 điểm trụ vôi và bể chứa nước tại làng; được phân bố đều trong làng.

Đây là công trình cấp nước tập trung do nhân dân trong làng tự quản lý và duy tu sửa chữa đối với những hư hỏng nhỏ như ống dẫn nước bị rò rỉ, vệ sinh bể nước... Do

thời gian khá lâu nên hệ thống ống nước đã có hiện tượng xuống cấp, ống nước hay bị nghẹt không cung cấp đủ nước sinh hoạt cho nhân dân trong làng.

Hiện nay có 02 hộ gia đình trong làng đã tự đào giếng phục vụ nhu cầu sinh hoạt của gia đình.

3. Về đất ở, nhà ở

Ranh giới sử dụng đất giữa các hộ gia đình tại làng Pốt cơ bản đã có hàng rào cố định và đã được đo đạc chi tiết đến từng thửa đất; phần lớn các hộ chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tổng số hộ của làng Pốt là 69 hộ đã có nhà ở, phần lớn diện tích đất của các hộ đảm bảo diện tích trung bình từ 500 – 600m². Có 9 hộ diện tích đất ở nhỏ hẹp, các hộ còn lại trong khuôn viên đất của mỗi hộ gia đình ngoài đất để xây dựng nhà ở còn lại một phần đất vườn nhưng đa số để trống, một số hộ có làm chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm; phần lớn việc bố trí đất ở và đất vườn của các hộ chưa hợp lý, chưa chú trọng đến việc trồng rau xanh làm thực phẩm cho gia đình.

Nhà vệ sinh: hiện nay đã có 21/69 hộ xây dựng nhà vệ sinh kiên cố, đạt tỷ lệ 30,04%.

4. Về điện

Hệ thống điện trên địa bàn do Điện lực An Khê quản lý và đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn đạt 100%. Lưới điện trung và hạ áp đã được kéo đến làng, đáp ứng đủ nhu cầu sinh hoạt cũng như sản xuất của tất cả các hộ dân.

Số hộ sử dụng điện: 69 hộ.

Hệ thống điện thấp sáng công cộng đã được đầu tư, với 04 bóng điện cao áp, 05 bóng led góp phần đảm bảo an ninh trật tự và đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân trong làng vào ban đêm.

5. Về phát triển sản xuất

Hiện nay diện tích đất sản xuất hiện có của người dân trong làng là 151,21ha trong đó cây lúa 13,57ha (lúa rẫy 3,7ha, lúa 1 vụ 8,5ha, lúa 2 vụ 1,37ha), hoa màu 37,54ha (cây bắp 28,4ha, cây mì 9,14ha) và cây lâm nghiệp 100,1ha, có vị trí xa khu dân cư và một phần diện tích xâm phạm cạnh đất của huyện Tây Sơn, Bình Định. Tuy nhiên, đất có độ dốc cao khó khăn trong sản xuất cũng như vận chuyển nông sản; hình thức canh tác chủ yếu bằng thủ công, năng suất, sản lượng của hầu hết loại cây trồng kém hiệu quả vì thiếu kỹ năng canh tác, thiếu vốn, thiếu nước để phục vụ sản xuất.

Ngoài phát triển sản xuất trên diện tích đất hiện có; các hộ dân còn chăn nuôi gia súc, gia cầm, cụ thể: chăn nuôi bò 171 con, dê 49 con, trâu 07 con. Nhìn chung nông dân làng chăn nuôi nhỏ lẻ; chưa có chuồng trại hay một số ít có chuồng trại tạm bợ. Do còn hạn chế về nguồn vốn đầu tư, tập tục chăn nuôi truyền thống nên nhìn chung tổng đàn gia súc, gia cầm chưa tương xứng với tiềm năng hiện có.

II. VỀ VĂN HÓA - XÃ HỘI

1. Về văn hóa

Làng Pốt có một nhà rông văn hóa để sinh hoạt cộng đồng, tổ chức các sự kiện tại làng, tuy nhiên đã được đầu tư xây dựng đến nay đã bị xuống cấp, và một nhà rông mới

được đầu tư năm 2018. Thiết bị âm thanh loa đài để bà con tiếp nhận thông tin, chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, hội họp đã được đầu tư, đảm bảo hoạt động thường xuyên.

Sân bóng chuyền, bóng đá đã được quy hoạch, san gạt nhưng chưa đảm bảo để nhân dân chơi thể thao thường xuyên. Các lễ hội truyền thống được duy trì, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, các nghề thủ công truyền thống như dệt thổ cẩm, làm rượu cần vẫn còn duy trì nhưng hạn chế; không có các hoạt động mê tín dị đoan. Làng đã có quy ước về tiết kiệm, chống lãng phí khi tổ chức ma chay, cưới xin...

Nhân dân trong làng đã thường xuyên tham gia các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao do cấp xã, thị xã và cấp tỉnh tổ chức. Làng đã thành lập một đội bóng chuyền nam, nữ thường xuyên giao lưu với các thôn trên địa bàn xã.

Hiện tại làng có 7 bộ công chiêng. Trong đó có 06 bộ công chiêng của riêng của các hộ gia đình, chỉ đem ra sử dụng trong các ngày tổ chức lễ hội của làng, 01 bộ công chiêng của cấp trên hỗ trợ cho làng được cất giữ trong phòng họp của làng.

2. Về y tế

Trạm Y tế xã Song An đã được xây dựng đạt theo tiêu chí Trạm chuẩn Quốc gia với đầy đủ trang thiết bị và các phòng chức năng, nhìn chung Trạm y tế xã bảo đảm thực hiện tốt mục tiêu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân trên địa bàn xã và luôn quan tâm, ưu tiên hỗ trợ về công tác chăm sóc sức khỏe của nhân dân trong làng.

Công tác khám chữa bệnh, tiêm chủng, phòng chống dịch bệnh sốt xuất huyết, tay chân miệng, đau mắt đỏ được quan tâm chăm sóc thường xuyên. Công tác tiêm chủng theo định kỳ hàng tháng cho trẻ, bà mẹ mang thai, cho trẻ uống vitamin A và sởi giun theo định kỳ, thực hiện công tác tuyên truyền về chăm sóc sức khỏe cho bà mẹ trong lứa tuổi sinh đẻ có kế hoạch.

Triển khai nâng cao năng lực chăm sóc sức khỏe ban đầu dựa vào cộng đồng như y tế thôn, làng, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Chữ thập đỏ... và các ban ngành đoàn thể trên địa bàn xã.

Hàng năm, Trung tâm Dân số - KHHGĐ thị xã tổ chức lớp tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ chuyên trách dân số, cộng tác viên dân số. Ngoài ra, còn phối hợp với ban, ngành xuống các hộ gia đình thăm hỏi, động viên chia sẻ và hướng dẫn người dân trong làng thực hiện kế hoạch hóa gia đình hiệu quả.

3. Về giáo dục

Làng Pốt có 1 điểm trường với 4 lớp học, trong đó mẫu giáo có 30 cháu, lớp 1 có 8 học sinh, lớp ghép 2 và 3 có 11 học sinh, lớp ghép 4 và 5 có 10 học sinh.

Điểm trường tại làng Pốt có cổng trường, hàng rào, 04 phòng học, sân cỏ, nhà vệ sinh.

Nhu cầu về cơ sở vật chất: Cấp đồ dùng dạy học như ti vi, máy tính, máy cassette, bộ đồ dùng dạy học tối thiểu.

4. Số hộ nghèo, hộ cận nghèo, thu nhập, cho vay phát triển sản xuất:

Theo số liệu điều tra hộ nghèo và cận nghèo năm 2018, tổng số hộ nghèo và cận nghèo người ĐBDTTS tại làng Pốt là: hộ nghèo 05 hộ, 19 khẩu, chiếm 16,67% tổng số

hộ nghèo của xã; hộ cận nghèo 20 hộ, 79 khẩu, chiếm 31,75% tổng số hộ cận nghèo của xã.

Thu nhập bình quân đầu người năm 2018 là 20,018 triệu đồng/người/năm (thu nhập chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi và làm thuê công lao động).

*** Cho vay phát triển sản xuất:**

Tổng dư nợ cho vay để phát triển sản xuất đến thời điểm 01/11/2018: tổng hộ vay là 31 hộ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo với số tiền 657,0 triệu đồng. Trong đó:

Hộ nghèo (đầu năm 2018) 12 hộ, với số tiền 235,0 triệu đồng.

Hộ cận nghèo (đầu năm 2018) 10 hộ, với số tiền 490,0 triệu đồng.

III. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Thuận lợi

Luôn được sự quan tâm của Đảng và nhà nước; hàng năm được đầu tư các chương trình dự án về cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất...

Người dân tộc Bahnar tại đây luôn có truyền thống cách mạng, trong 2 cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm của dân tộc người dân một lòng đi theo Đảng; chịu thương, chịu khó, cần cù trong lao động sản xuất, đoàn kết và đùm bọc lẫn nhau, có tính nhân văn cao.

Có quỹ đất thuận lợi phát triển dân cư và phát triển sản xuất; có lòng tin rất lớn đối với Đảng, chính quyền, chịu khó học hỏi, tiếp thu những kinh nghiệm trong sản xuất, những cách làm hay, có sự đồng lòng nhất trí và tinh thần đoàn kết cao để cùng nhau vượt qua khó khăn, thách thức.

2. Khó khăn, vướng mắc

Nhìn chung, đồng bào DTTS tại làng Pốt có đời sống khó khăn, thu nhập bình quân còn thấp.

Trình độ dân trí của nhân dân còn thấp, khó khăn trong việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp.

Khu dân cư và khu vực đất sản xuất chưa được quy hoạch, chưa được sắp xếp, bố trí khoa học; nhà ở dân cư được xây dựng tự phát, đất sản xuất của nhân dân trong làng có địa hình dốc, giao thông đi lại khó khăn.

Hệ thống chính trị đã được kiện toàn, củng cố đi vào hoạt động tốt nhưng phát triển đoàn viên, hội viên còn chậm. Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chăn nuôi chưa thật sự có hiệu quả.

3. Nguyên nhân tồn tại, khó khăn

3.1. Nguyên nhân khách quan

Xuất phát điểm của nhân dân đồng bào dân tộc thiểu số Bahnar, xã Song An còn thấp so với các thôn trên địa bàn xã; tập quán sản xuất còn lạc hậu, điều kiện thời tiết khắc nghiệt, địa hình khó đi lại, vận chuyển vật tư cũng như nông sản, thiếu vốn đầu tư, máy móc thiết bị sản xuất.

Đất đai tại khu vực này có tiềm năng để phát triển sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng nhưng thiếu nguồn lực đầu tư trong khi đó người dân không có khả năng để phát triển sản xuất theo hướng chuyên canh.

Trình độ dân trí và chất lượng nguồn nhân lực còn thấp dẫn đến chuyển giao khoa học kỹ thuật khó khăn.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

Ý thức tự vươn lên của một bộ phận đồng bào DTTS làng Pốt còn chậm; một bộ phận người dân còn trông chờ, ỷ lại sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và của cộng đồng.

Hệ thống chính trị cơ sở có lúc còn thiếu sâu sát. Tinh thần đấu tranh phê bình và tự phê bình đôi lúc chưa cao. Trình độ năng lực của các chi hội còn hạn chế chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặt ra.

Mặc dù người đồng bào Bahnar đã định cư tại khu vực này lâu dài, ổn định, tuy nhiên chưa được quy hoạch khu dân cư, tổ chức sản xuất; điều kiện tiếp xúc các dịch vụ về y tế, giáo dục chưa thật sự được quan tâm đúng mức.

PHẦN THỨ HAI PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI LÀNG PỐT GIAI ĐOẠN 2019 - 2020

A. MỤC TIÊU

I. MỤC TIÊU CHUNG

1. Quy hoạch, sắp xếp bố trí lại hệ thống cơ sở hạ tầng, lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, tập trung phát triển nông, lâm nghiệp; có chủ trương cụ thể để xóa đói, giảm nghèo một cách bền vững.

2. Tổ chức lại sản xuất nhằm khai thác tiềm năng về đất đai trong khu vực; áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả canh tác, từng bước giúp người dân nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống ngay trên đồng ruộng, nương rẫy của mình.

3. Thực hiện có hiệu quả các chính sách xã hội đối với vùng đồng bào dân tộc; Phát triển văn hóa, y tế, giáo dục; nâng cao mức sống vật chất và tinh thần cho đồng bào.

4. Tăng cường công tác bảo đảm trật tự an toàn xã hội và giữ vững an ninh chính trị trên địa bàn.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Quy hoạch lại khu dân cư làng Pốt, bố trí cho mỗi hộ dân từ 500 m² – 600m² đất (đất ở, đất vườn). Chú trọng quy hoạch đường giao thông và các công trình hạ tầng khác trong làng; trước mắt, xây dựng hệ thống đường giao thông, hệ thống điện sinh hoạt; bố trí, sắp xếp có khoa học công trình kiến trúc trong từng hộ gia đình.

2. Quy hoạch và tổ chức lại sản xuất, chú trọng quy hoạch khu vực sản xuất lúa nước 02 vụ, 01 vụ kém hiệu quả sang cây hàng năm khác; chuyển đổi loại cây trồng phù hợp với điều kiện thời tiết, thổ nhưỡng nhằm mang lại hiệu quả kinh tế cao; từng bước

vận động người dân chuyển đổi sang mô hình cánh đồng lớn. Nghiên cứu phát triển đa dạng về giống vật nuôi.

Tuyên truyền, vận động, cử cán bộ chuyên môn tập huấn, hướng dẫn về kỹ thuật sản xuất, chăn nuôi cho bà con người dân tộc để từng bước giúp người dân nâng cao trình độ thâm canh sản xuất; áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, góp phần xóa đói, giảm nghèo.

3. Các ban, ngành, hội, đoàn thể của xã tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân tại làng Pốt sử dụng nguồn vốn vay làm ăn phục vụ sản xuất, phát triển kinh tế có hiệu quả và chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi nhằm nâng cao hiệu quả vốn vay. Có kế hoạch và chỉ tiêu tăng thu nhập của người dân, giảm số hộ nghèo và hộ cận nghèo theo từng năm. Đẩy mạnh công tác hướng nghiệp, dạy nghề, tập huấn chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi; hỗ trợ về vốn sản xuất, nhà ở, phương tiện sản xuất.

4. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước về giáo dục; thực hiện tốt các giải pháp nâng cao chất lượng dạy và học, tiếp tục đổi mới phương pháp dạy và học phù hợp với đối tượng học sinh người dân tộc thiểu số; chỉ đạo thực hiện tốt các giải pháp nhằm giảm tỷ lệ học sinh bỏ học; tranh thủ các dự án và nguồn ngân sách của thị xã hàng năm để đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học.

5. Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của người dân tộc thiểu số; chú trọng chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho nhân dân. củng cố kiện toàn y tế cơ sở bảo đảm chăm sóc, khám chữa bệnh ban đầu cho người dân trong xã nói chung và làng đồng bào DTTS nói riêng ngày càng tốt hơn.

7. Bảo đảm cho người dân được tiếp cận với nguồn vốn vay phát triển sản xuất; mở rộng cho vay đảm bảo 100% vốn tín dụng chính sách của Chính phủ đến được với đối tượng thụ hưởng; tất cả hộ nghèo có nhu cầu vay vốn đều được hỗ trợ và tư vấn cách thức sử dụng vốn sản xuất, chuyển mạnh sang đầu tư theo các chương trình dự án, tạo điều kiện cho người dân nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống; mở các lớp tập huấn, đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

8. Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, bảo đảm ANCT và TTATXH: Tiến hành rà soát, kiện toàn lại hệ thống chính trị của làng Pốt, trên cơ sở đó có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, ưu tiên người đồng bào dân tộc tại chỗ. Giữ vững an ninh chính trị và TTATXH là cơ sở để phát triển kinh tế, ổn định đời sống, xóa đói, giảm nghèo.

9. Một số chỉ tiêu chủ yếu cần phấn đấu đến năm 2020:

- Tỷ lệ hộ nghèo dưới 7%.
- Thu nhập bình quân đầu người/ năm: 35 triệu đồng.
- Tỷ lệ lao động trong độ tuổi lao động có việc làm thường xuyên: $\geq 90\%$.
- Tỷ lệ huy động trẻ em đến trường: 100%.
- Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn của Bộ xây dựng: $>75\%$.
- Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh: 100%.
- Tỷ lệ người dân nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, hương ước, quy ước: 100%.

B. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

I. CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN

Tiếp tục quán triệt sâu rộng, đầy đủ nội dung Nghị quyết 03-NQ/TU ngày 19/7/2011 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai (khóa XIV) về xây dựng nông thôn mới tỉnh Gia Lai đến năm 2020, Nghị quyết 05-NQ/TU ngày 12/4/2017 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai (khóa XV) về giảm nhanh và bền vững tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2017-2020 và định hướng đến năm 2025.

Tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân trong vùng quy hoạch về các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước liên quan đến chính sách dân tộc; phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh; giúp nhân dân trong khu vực hiểu rõ về sự cần thiết phải thay đổi nếp nghĩ, cách làm nhằm từng bước ổn định đời sống nhân dân về vật chất và tinh thần.

Tuyên truyền trong nhân dân bằng nhiều hình thức, phong phú, thiết thực dễ nhớ, dễ hiểu, từ đó làm cho dân làng hiểu rõ vai trò chủ thể trong xây dựng làng nông thôn mới. Xem đây là nhiệm vụ trọng tâm của cấp ủy, chi bộ, chính quyền, mặt trận và các tổ chức đoàn thể từ xã đến làng. Tập trung tuyên truyền trực quan những cách làm hay, sáng tạo hiện có, tham quan các mô hình sản xuất có hiệu quả, dẫn chứng các điển hình tiêu biểu trong mọi lĩnh vực trong đời sống xã hội để nhân rộng, làm theo.

Chú trọng tuyên truyền về công tác sắp xếp, bố trí lại khu dân cư, chỉnh trang nhà ở hiện có và di dời nhà ở không đủ điều kiện về quy mô diện tích, không gian quy hoạch và cơ sở hạ tầng giao thông, văn hóa ở làng; tuyên truyền đổi mới hình thức sản xuất, nâng cao thu nhập, xóa đói, giảm nghèo; xây dựng đời sống văn hóa, xây dựng môi trường nông thôn xanh, sạch, đẹp, an toàn, không có tệ nạn xã hội.

Tiếp tục triển khai cuộc vận động “Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm trong đồng bào dân tộc thiểu số để từng bước vươn lên thoát nghèo bền vững”.

II. CÔNG TÁC QUY HOẠCH

1. Quy hoạch tổng quan khu dân cư

*** Giai đoạn 1 (năm 2019):**

Thu hồi 3,06 ha đất quy hoạch khu dân cư, giao đất cho hộ chưa có đất ở và hộ có diện tích khuôn viên đất ở và vườn không đảm bảo diện tích (dưới 500 m²), hộ bị mất đất do mở đường trong khu quy hoạch... Bố trí công trình nhà ở thông thoáng và cảnh quan, mở rộng các trục đường đã có; bố trí vị trí hợp lý cho các công trình công cộng và hạ tầng kỹ thuật, chú trọng lấy nhà rông làm trung tâm để bố trí, sắp xếp khu dân cư.

Đất xây dựng nhà ở trung bình mỗi hộ được giao 540m², trong đó gồm 200m² đất ở, 340m² là đất vườn. Đối với diện tích khuôn viên đất của các hộ đã cơ bản đảm bảo diện tích tối thiểu, định hướng cho các hộ bố trí nhà ở, vườn hộ được ngăn nắp, khoa học.

Ngoài ra cần bố trí quỹ đất ở dự phòng.

*** Giai đoạn 2 (năm 2020):** Tiếp tục triển khai thực hiện việc bố trí, sắp xếp nhà, vật kiến trúc theo mô hình chung.

2. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và tổ chức không gian

Tính toán lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất năm 2020 và các năm tiếp theo bảo đảm nhu cầu xây dựng khu dân cư, khu sản xuất và cơ sở hạ tầng; các công trình hạ tầng

như: giao thông, cấp điện, cấp thoát nước được thiết kế một cách hợp lý, chú trọng bố trí đất công trình công cộng, đất ở, đất dự phòng và thể dục thể thao.

Quy hoạch mạng lưới giao thông hiện trạng và mở mới đường đi trong làng tạo thành một mạng lưới giao thông liên hoàn và xuyên suốt, kết nối khu quy hoạch với khu dân cư lân cận.

*** Giai đoạn 1 (năm 2019)**

Tuyên truyền, vận động và di dời 9 nhà sản ra các lô quy hoạch mới; hỗ trợ, khuyến khích các hộ xây dựng nhà ở truyền thống, kiến trúc, mẫu nhà của người Bahnar, đảm bảo diện tích tối thiểu, có các công trình phụ trợ, bố trí đảm bảo vệ sinh môi trường, thuận tiện.

Xây dựng, mở rộng sân thể thao, sân ủi tạo mặt bằng và xây dựng tường rào xung quanh, làm mới sân bóng chuyền mặt BTXM. Xây dựng mới hoa viên, trồng cây xanh để tạo cảnh quan và không gian trong lành, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân; phía trước xây dựng công, hàng rào thông thoáng, đảm bảo mỹ quan. Dọc theo các trục đường giao thông vận động nhân dân trồng cây xanh có bóng mát, hàng rào xanh.

*** Giai đoạn 2 (năm 2020)**

Tiếp tục bố trí, sắp xếp lại công trình trong khuôn viên đất của từng hộ theo mô hình chung. Xây dựng các mô hình tạo cảnh quan du lịch như cầu treo, bờ kè.

3. Quy hoạch hệ thống giao thông

*** Giai đoạn 1 (năm 2019):**

Định vị cắm mốc: Dựa trên ranh giới quy hoạch

+ Cắm mốc đường bao khu quy hoạch bằng cọc bê tông (0,1 x 0,1) x 1,0m.

+ Cắm tim định vị để xây dựng các đường quy hoạch bằng trụ thép sơn màu.

+ Mốc phân lô bằng cọc gỗ (1 lô 4 mốc) được bàn giao trực tiếp cho người dân.

Quy hoạch mạng lưới giao thông lấy trục đường hiện có là trục giao thông chính cho toàn khu, các đường đi nội làng kích thước 6m, mặt đường Bê tông xi măng rộng 3m, tạo thành một mạng lưới giao thông liên hoàn và thông suốt, kết nối khu quy hoạch với các khu dân cư lân cận, khu sản xuất.

*** Giai đoạn 2 (năm 2019-2020):** tiếp tục đầu tư nâng cấp đường nội đồng đi các khu sản xuất.

4. Quy hoạch hệ thống cấp điện: đầu tư đường điện khu dân cư, khu sản xuất đảm bảo nhu cầu về điện phục vụ sinh hoạt, sản xuất của nhân dân. Đảm bảo tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn đạt 100%.

5. Quy hoạch hệ thống cấp, thoát nước

Đối với hệ thống cấp nước: Nâng cấp, xây mới bể lọc đầu nguồn có quy mô hơn đảm bảo trữ nước cung cấp nước sinh hoạt. Giai đoạn dài hạn xây dựng đầu tư thêm các giếng nước công cộng lớn hòa mạng cấp nước.

Đối với hệ thống thoát nước: Trong các công trình công cộng, trường học, các hộ gia đình bố trí hệ thống thoát nước hợp lý, bảo đảm không ngập úng trong mùa mưa lũ.

6. Đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Khu vực quy hoạch sắp xếp bố trí lại dân cư cần phải được đo đạc trước để có cơ sở thực hiện các bước tiếp theo (tỉ lệ 1/2000). Đối với khu vực đất sản xuất hiện có của các hộ đồng bào đang sản xuất chưa được đo đạc, tiếp tục đo đạc và hướng dẫn các hộ dân lập các thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

III. PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

1. Khảo sát, thí điểm các loại cây trồng phù hợp với điều kiện hiện có của người dân để hướng dẫn, giúp đỡ, hỗ trợ về kỹ thuật canh tác, quy hoạch vùng sản xuất theo hướng chuyên canh; tranh thủ mọi nguồn lực đầu tư; với phương châm bảo đảm hệ thống nước tưới, phục vụ tưới cho các loại cây trồng trên từng diện tích đất sản xuất. Tập trung mọi nguồn lực giúp người dân chuyển đổi từ đất sản xuất kém hiệu quả sang trồng mì và các loại cây trồng khác phù hợp. Trên cơ sở tổng kết đánh giá mô hình, tìm ra những loại giống phù hợp để nhân rộng trên khu vực này; thường xuyên cử cán bộ chuyên môn theo dõi quá trình sinh trưởng và phát triển của các loại cây trồng để xử lý kịp thời tình hình sâu bệnh và một số vướng mắc phát sinh trong quá trình sinh trưởng và phát triển.

2. Đối với những diện tích không điều kiện trồng các loại cây lương thực tiến hành khảo sát để thực hiện việc chọn giống và khảo nghiệm một số loại cây trồng, vật nuôi phù hợp như cây ăn quả, dứa, cây đậu các loại... trong đó chú trọng đến lợi thế của từng vùng. Phối hợp các cơ quan chuyên môn cùng các doanh nghiệp để khảo sát đưa một số cây trồng có năng suất trồng khảo nghiệm tại làng, đồng thời có chính sách đầu tư và thu mua sản phẩm cho nông dân. Đa dạng hóa các loại cây trồng, vật nuôi phù hợp với làng.

3. Thực hiện tốt chủ trương khuyến khích trồng mới rừng, để người dân được hưởng lợi từ việc trồng rừng, nâng cao thu nhập, ổn định đời sống theo tinh thần Nghị định 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ và Quyết định 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Tập trung phát triển chăn nuôi bò, dê, gà; cải tạo tập quán chăn nuôi lạc hậu như không xây dựng chuồng trại chăn nuôi, tăng cường công tác thú y, phòng chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm. Tăng cường chuyển giao khoa học kỹ thuật, nhân rộng các mô hình thí điểm.

5. Tiếp tục rà soát, đo đạc đối với diện tích chưa được đo đạc để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân tại khu vực đất sản xuất để cho người dân yên tâm đầu tư sản xuất, thâm canh tăng vụ, nâng cao năng suất cây trồng và cải tạo đất. Tranh thủ mọi nguồn vốn từ các Chương trình mục tiêu quốc gia về nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững để đầu tư cho sản xuất nông nghiệp cho làng Pôt.

6. Sau khi sắp xếp bố trí lại dân cư, hướng dẫn bà con xây dựng chuồng trại để chăn nuôi gia súc, gia cầm; chú trọng phát triển đất vườn của từng hộ; hướng dẫn người dân trồng rau trong khu vực đất vườn được bố trí, đảm bảo nước phục vụ sản xuất kinh tế vườn.

7. Hàng năm, bố trí các lớp tập huấn về kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt cho bà con nông dân, cử cán bộ chuyên môn về làng để trực tiếp hướng dẫn cho bà con nhân dân.

IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Nâng cao nhận thức, trợ giúp pháp lý

Trợ giúp pháp lý miễn phí cho người được trợ giúp pháp lý trên các lĩnh vực theo quy định của pháp luật;

Lồng ghép hoạt động trợ giúp pháp lý với việc hướng dẫn làm thủ tục cấp các loại giấy tờ về hộ tịch, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu cho nhân dân.

2. Văn hóa - Thông tin

Xây dựng, phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa. Hướng dẫn nhân dân trong làng bổ sung các quy ước về nếp sống văn hóa nông thôn, đồng thời tổ chức tuyên truyền vận động để các quy ước đó được thực hiện.

Tuyên truyền vận động nhân dân tổ chức đám cưới, đám tang theo nếp sống văn minh không tổ chức rườm rà, đình đám gây tốn kém. Tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng trong nhân dân bên cạnh đó tuyên truyền vận động nhân dân bài trừ tệ mê tín dị đoan; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của người Bahnar.

Đầu tư trang thiết bị bên trong nhà rông văn hóa và sửa chữa, nâng cấp hệ thống loa truyền thanh cho làng. Nâng cấp, san gạt, mở rộng sân thể thao phục vụ vui chơi, giải trí của bà con nhân dân làng trên cơ sở sẵn hiện có

Hàng năm làng đạt chuẩn văn hóa theo quy định.

3. Giảm nghèo hỗ trợ để phát triển kinh tế, đào tạo nghề cho lao động

Thực hiện có hiệu quả Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020. Tổ chức các tổ, nhóm tương trợ giúp nhau làm ăn, xóa đói, giảm nghèo huy động nguồn lực tại cộng đồng để thực hiện mục tiêu chương trình. Xây dựng và nhân rộng mô hình làm ăn có hiệu quả, thoát nghèo nhanh và bền vững. Theo dõi sổ hộ thoát nghèo, các hộ mới rơi vào diện nghèo. Đặc biệt đối với các hộ có nguy cơ tái nghèo, nguy cơ phát sinh nghèo cần phải quan tâm, tìm hiểu nguyên nhân để từ đó có giải pháp thích hợp giúp họ thoát nghèo, tránh được nguy cơ tái nghèo hoặc nguy cơ phát sinh nghèo. Cần phải có kế hoạch ưu tiên đào tạo nghề để họ có thể có được công ăn việc làm ổn định; định hướng cho nhân dân trồng cây gì, nuôi con gì, hướng dẫn cho họ kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi để có hiệu quả kinh tế cao, ổn định lâu dài.

Tuyên truyền, hướng dẫn người dân tại làng kiến thức sử dụng nguồn vốn vay làm ăn phục vụ sản xuất, phát triển kinh tế có hiệu quả và chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi nhằm nâng cao hiệu quả vốn vay. Đẩy mạnh công tác hướng nghiệp, dạy nghề, tập huấn chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi.

*** Các nhóm giải pháp cơ bản.**

- Hỗ trợ vốn sản xuất:

+ Đối tượng: Hộ nghèo, hộ cận nghèo thiếu vốn sản xuất và hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu vay vốn phát triển sản xuất.

+ Số hộ: 25 hộ (05 hộ nghèo và 20 hộ cận nghèo).

+ Kinh phí: Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã thực hiện dự toán và phân bổ kinh phí theo hình thức tổ vay vốn.

- Hỗ trợ Nhà ở:

+ Đối tượng: Hộ nghèo, hộ cận nghèo có khó khăn về nhà ở.

+ Số hộ: 10 hộ.

+ Phương thức và kinh phí thực hiện: áp dụng các hình thức hỗ trợ xây dựng nhà ở từ các nguồn hỗ trợ. Cụ thể: Quỹ vì Người nghèo, các doanh nghiệp, cá nhân.

- **Hỗ trợ đào tạo nghề, chuyển giao khoa học kỹ thuật:** phối hợp Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Đông Gia Lai tổ chức chiêu sinh và mở các lớp đào tạo nghề ngắn hạn (3 tháng) cho các đối tượng. Chủ yếu tập trung vào các nghề phù hợp điều kiện kinh tế xã hội của địa phương và trình độ của người lao động như dệt thổ cẩm, chăm sóc cây lúa, mi hoặc các lớp dạy kỹ thuật chăn nuôi bò, heo, dê, gà.

- Tổ chức kết nghĩa giữa các thôn với làng Pôt để giúp nhau phát triển sản xuất để nâng cao đời sống vật chất, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

4. Cho vay phát triển sản xuất

Mở rộng cho vay đảm bảo 100% vốn tín dụng chính sách của Chính phủ đến được với đối tượng thụ hưởng; tất cả hộ nghèo có nhu cầu vay vốn đều được hỗ trợ và tư vấn cách thức sử dụng vốn sản xuất, chuyển mạnh sang đầu tư theo các chương trình dự án, tạo điều kiện cho người dân nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống.

Quá trình cho vay chú trọng giải ngân phù hợp với thời vụ sản xuất, phối hợp công tác khuyến nông, khuyến lâm, hướng dẫn kiến thức làm ăn cho hộ vay, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi nhằm nâng cao hiệu quả vốn vay; nâng dần mức vay vốn bình quân, đáp ứng đầy đủ các nhu cầu đa dạng không chỉ đối với hộ nghèo, hộ chính sách mà còn mở rộng chính sách đối với nông nghiệp, nông thôn và nông dân.

5. Công tác y tế, dân số - KHHGD

Nâng cao nhận thức của cán bộ, người dân về sự cần thiết, tác dụng của phát triển y tế ở nông thôn; tạo ra nhận thức đúng đắn y tế là một trong những chính sách góp phần nâng cao nguồn nhân lực để phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo.

Đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe sinh sản dân số - kế hoạch hóa gia đình ở nông thôn. Hoàn thiện bộ máy, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân số; nâng cao vai trò giám sát của cộng đồng trong thực hiện chính sách, pháp luật về dân số - kế hoạch hóa gia đình. Phát huy vai trò của mạng lưới cộng tác viên dân số ở cơ sở trong tuyên truyền kế hoạch hóa gia đình.

Làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân khu vực làng; tuyên truyền, hướng dẫn, tư vấn nghiệp vụ cho người dân về vệ sinh môi trường, không chăn nuôi gia súc, gia cầm, gây mất vệ sinh và ảnh hưởng đến sức khỏe; nâng cao năng lực chăm sóc sức khỏe ban đầu dựa vào cộng đồng: Y tế thôn, làng, Đoàn thanh niên, Hội LH Phụ nữ, Hội Chữ thập đỏ... và các ban ngành đoàn thể trên địa bàn xã. Phấn đấu đến 2020:

+ 100% cán bộ y tế thôn làng được đào tạo, bồi dưỡng theo chương trình khung của Bộ Y tế và duy trì 100% cán bộ y tế thôn làng có túi y tế.

- Đảm bảo 100% nhân dân làng có Bảo hiểm y tế.

- Tỷ lệ bệnh nhân khám chữa bệnh 100%.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi dưới 31,4%.

- Tỷ lệ trẻ em tiêm chủng đầy đủ 100%.

- Tỷ lệ phụ nữ sinh con được khám thai từ 3 lần trở lên 70%.

- Tỷ lệ phụ nữ sinh con được nhân viên y tế qua đào tạo hỗ trợ khi đẻ: 70%.
- Tỷ lệ phụ nữ đẻ và trẻ sơ sinh được chăm sóc sau sinh 70%.
- Tỷ lệ trẻ em từ 6 đến 60 tháng tuổi được uống Vitamin A là 100%.
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1,01%.
- Tỷ lệ sinh con thứ ba chiếm < 30%. Thành lập 01 câu lạc bộ không sinh con thứ 3 trở lên tại làng Pốt.

Công tác khám chữa bệnh tại Trạm Y tế, Trung tâm Y tế là thường xuyên, tiêm chủng, phòng chống dịch bệnh: sốt xuất huyết, tay chân miệng, đau mắt đỏ.

Tổ chức khám chữa bệnh tại làng 4 lần/năm. Tùy theo tình hình thực tế có thể tăng lên số lần nếu có dịch bệnh hoặc theo nhu cầu thực tế tại địa phương.

Chủ động bố trí kinh phí hàng năm để phòng chống dịch bệnh.

6. Về Giáo dục và Đào tạo

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước về giáo dục như: Chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền ăn cho học sinh bán trú, chế độ phổ cập giáo dục MN, TH, THCS. Nâng cao nhận thức của người dân về vai trò, vị trí của giáo dục trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của làng.

Tăng cường chỉ đạo thực hiện tốt các giải pháp nâng cao chất lượng dạy và học: Tổ chức tốt việc phụ đạo cho học sinh yếu kém ở bậc THCS, học sinh chưa hoàn thành ở bậc tiểu học; thực hiện nghiêm túc việc giảm tải chương trình; tiếp tục đổi mới phương pháp dạy và học phù hợp với đối tượng học sinh, đặc biệt học sinh người dân tộc thiểu số; tăng cường kiểm tra việc học bài và làm bài tập ở nhà của học sinh; nâng cao chất lượng, kết quả học tập của học sinh, kích thích sự năng động, sáng tạo của giáo viên trong giảng dạy; đẩy mạnh các hoạt động phong trào trong nhà trường phù hợp với tâm lý, lứa tuổi, nhằm thu hút học sinh đến lớp; thực hiện tốt nguyên lý “Học đi đôi với hành”; khai thác, sử dụng có hiệu quả các trang thiết bị dạy học đã được trang bị, phát huy tự làm đồ dùng dạy học, để làm cho tiết học sinh động và hấp dẫn người học.

Chỉ đạo thực hiện tốt các giải pháp nhằm giảm tỷ lệ học sinh bỏ học: Tăng cường công tác tuyên truyền vận động học sinh đến trường; thường xuyên đến thăm hỏi động viên gia đình học sinh; phân loại nguyên nhân học sinh vì sao bỏ học, đi học không chuyên cần để đề ra giải pháp phù hợp trong công tác vận động. Thực hiện tốt phong trào: Mỗi cán bộ, giáo viên nhận đỡ đầu một học sinh có nguy cơ bỏ học vì đang gặp khó khăn trong học tập; phát huy vai trò công tác đội trong việc tổ chức các hoạt động ngoại khóa, các phong trào để thu hút học sinh đến trường; quan tâm học sinh chưa hoàn thành ở bậc tiểu học, học sinh yếu, kém ở bậc THCS, học sinh có hoàn cảnh gia đình khó khăn, tránh tình trạng để học sinh “*Ngồi sai lớp, học sinh đọc, viết còn yếu*” dẫn đến tăng nguy cơ bỏ học. Cần có sự tập trung quyết liệt hơn, phải bắt đầu từ nền tảng là bậc tiểu học và chú ý các lớp đầu cấp học.

Chú trọng, quan tâm công tác phổ cập giáo dục ở các bậc học, vận động tham gia học các lớp xóa mù chữ, chống tái mù chữ, bổ túc văn hóa THCS, huy động nhân dân và trẻ trong độ tuổi đã bỏ học, hoặc chưa đi học tích cực tham gia các lớp bổ túc để nâng cao kiến thức.

Phát triển toàn diện Giáo dục - Đào tạo trên cơ sở khắc phục những hạn chế, yếu kém, kết hợp huy động mọi nguồn lực để tạo sự chuyển biến về chất lượng và hiệu quả đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực. Đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của Giáo dục - Đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học.

Tham mưu các cấp bộ trí, điều động, tuyển dụng giáo viên, nhân viên có trình độ chuyên môn, năng lực đảm bảo, tâm huyết về công tác tại làng.

7. Môi trường

Đảm bảo nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh theo chuẩn. Hướng dẫn các hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm có chuồng trại đảm bảo vệ sinh môi trường, có nơi thu gom rác thải và phụ phẩm chăn nuôi; vận động nhân dân làng chế biến thực phẩm, thức ăn hợp vệ sinh, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và vệ sinh môi trường trong từng hộ gia đình.

Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nhân dân sử dụng đúng cách và có hiệu quả phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và thuốc kích thích sinh trưởng cho cây trồng ngay trong các hoạt động nông nghiệp, đẩy mạnh công tác thu gom, xử lý bao bì thuốc BVTV.

Các tuyến đường trong làng, nhà văn hóa, nhà văn hóa, khu thể thao thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ, cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp. Phụ nữ tham gia cuộc vận động “năm không ba sạch”.

Nghĩa địa chôn cất phải phù hợp với phong tục tập quán địa phương; có trồng cây xanh xung quanh.

- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh $\geq 70\%$.

- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường $\geq 80\%$.

8. Xây dựng hệ thống chính trị và giữ vững an ninh TTXH

Tiếp tục đào tạo đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số đủ khả năng đảm đương công việc trong hệ thống chính trị của làng. Tăng cường sự lãnh đạo của tổ chức Đảng, phát huy sức mạnh già làng, trưởng làng và các tổ chức chính trị, xã hội trong làng.

Củng cố hệ thống chính trị vững mạnh, tăng cường công tác bảo đảm ANCT và TTATXH; tiến hành rà soát, kiện toàn lại hệ thống chính trị của làng, trên cơ sở đó có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, ưu tiên người đồng bào dân tộc Bahnar tại chỗ. Giữ vững an ninh chính trị và TTATXH là cơ sở để phát triển kinh tế, ổn định đời sống, xóa đói, giảm nghèo.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phòng trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới. Thực hiện tốt Thông tư 23/TT-BCA ngày 27/4/2012 của Bộ Công an quy định về khu dân cư xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, trường học đạt tiêu chuẩn “về an toàn về an ninh trật tự”

Giải quyết kịp thời các tranh chấp, khiếu kiện, mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, không để hình thành các “điểm nóng” về an ninh nông thôn, an ninh dân tộc và tôn giáo.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Tổng kinh phí đầu tư: 8.527.390.000 (Tám tỷ năm trăm hai mươi bảy triệu ba trăm chín mươi ngàn đồng), trong đó:

- Giai đoạn 1: 3.434.100.000 đồng.

Trong đó: + Ngân sách Trung ương : 650.000.000 đồng.

- + Ngân sách tỉnh : 66.000.000 đồng.
- + Ngân sách thị xã : 2.072.460.000 đồng.
- + Huy động đóng góp : 630.640.000 đồng.
- Giai đoạn 2: 5.093.290.000 đồng.
- Trong đó: + Ngân sách thị xã : 4.975.790.000 đồng.
- + Huy động đóng góp : 117.500.000 đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

2. Về nguồn vốn: Huy động từ nhiều nguồn, thực hiện tốt việc lồng ghép các chương trình, các nguồn vốn Chương trình mục tiêu và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực (vốn các chương trình, dự án của Trung ương, của tỉnh, vốn các chính sách của địa phương, vốn đóng góp của nhân dân, của cộng đồng...) để đầu tư phát triển kinh tế – xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số làng Pốt gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Ưu tiên bố trí vốn để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, trước hết tập trung đầu tư quy hoạch và bố trí sắp xếp ổn định khu dân cư và rà soát quy hoạch đất sản xuất tại khu vực làng, đầu tư thực hiện các mô hình sản xuất nông nghiệp cho người dân làng.

Ưu tiên bố trí vốn vay tín dụng với lãi suất ưu đãi cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo tại làng để có điều kiện phát triển sản xuất.

Cùng với việc hỗ trợ trực tiếp cho hộ nghèo tại làng, cần có cơ chế, chính sách thu hút các doanh nghiệp đầu tư nhằm tạo việc làm cho đồng bào.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận TQVN và các tổ chức đoàn thể xã Song An.

- Trực tiếp triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng làng NTM – làng Pốt.
- Tuyên truyền vận động nhân dân chuyển đổi giống cây trồng vật nuôi kém hiệu quả sang trồng các loại giống khác có năng suất, chất lượng để xóa đói, giảm nghèo.
- Theo dõi, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các chính sách, chương trình, dự án thuộc lĩnh vực công tác dân tộc; kịp thời tham mưu, đề xuất tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.
- Phối hợp với phòng Kinh tế thị xã thực hiện việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của xã theo đúng quy định; gắn với triển khai tiêu chí về xây dựng nông thôn mới của xã.
- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án làng NTM – làng Pốt trên địa bàn xã theo đúng chức năng quản lý nhà nước của cấp xã.
- Trực tiếp tổ chức quản lý, kiểm tra, giám sát đảm bảo sử dụng có hiệu quả các công trình, tư liệu sản xuất đã được đầu tư trên địa bàn xã nói chung và khu vực làng Pốt nói riêng. Kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện các chính sách, các chương trình, dự án thuộc lĩnh vực công tác dân tộc về UBND thị xã để theo dõi, chỉ đạo.

2. Đề xuất

- Kính trình Ban thường vụ Thị ủy xem xét cho chủ trương phê duyệt và lãnh đạo triển khai thực hiện Đề án;

- Trình HĐND thị xã xem xét, quyết định phân bổ kinh phí để triển khai thực hiện Đề án trong năm 2019;

- UBND thị xã xem xét phê duyệt Đề án và hỗ trợ kinh phí; đồng thời chỉ đạo các ngành chuyên môn, các cơ quan đơn vị liên quan tăng cường hỗ trợ, giúp xã thực hiện hoàn thành Đề án.

KẾT LUẬN

Đề án xây dựng làng nông thôn mới - làng Pốt được xây dựng trên cơ sở hiện trạng tình hình kinh tế - xã hội của vùng đồng bào dân tộc thiểu số làng Pốt và tình hình thực tế của xã. Đề án cũng đề xuất một số giải pháp nhằm xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội làng Pốt gắn với việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về nông thôn mới./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Lê Tiến